TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 28/2022/HSST
Ngày:16/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyện

Bà Lê Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TL - HSST ngày 08 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 07/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn V, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình Ph đã chết) và bà Thạch Thị Ơ (đã chết); có chồng Lê Văn X, sinh năm 1952; có 06 con: con lớn sinh năm 1976, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo : Bà Nguyễn Thị Ngọc Tr – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Th. (Có mặt)

Bị hại: Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị H - Công ty Luật TNHH Nh.

Địa chỉ: Lô A Đại Lộ Võ Nguyên Giáp, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị K, sinh năm 1946

Địa chỉ : Địa chỉ: thôn Văn Ba, xã Đông Quang, huyên Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Lâm Bá Gi, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ : thôn V, xã Đông Quang, huyên Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1954 (Có mặt)

Địa chỉ : thôn V, xã Đông Quang, huyên Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lâm Huy H, sinh năm 2004 (Vắng mặt)

Đị chỉ : thôn Thịnh Tr , xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Lâm Xuân M, sinh năm 2008 (Vắng mặt)

Địa chỉ : thôn V, xã Đông Quang, huyên Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ : thôn V, xã Đông Quang, huyên Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã Đông Quang, huyên Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 9 giờ 00 phút ngày 12 tháng 9 năm 2021, Nguyễn Thị Kim L và bà Lâm Thị K, sinh năm 1946 đều ở thôn V, xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa mỗi người đi một xe đạp đến nhà ông Lê Văn Tr, sinh năm 1950 là người cùng thôn để đòi tiền nợ của bà Lê Thị H, sinh năm 1952 (vợ ông Tr). Khi đến khu vực cây đa gần nhà ông Tr, bà L dựng xe đạp cạnh cây dừa của gia đình ông Th (hàng xóm của gia đình ông Tr), bà K dựng xe đạp ngay sau ghế đá có sẵn tại khu vực cây đa. Sau khi dựng xe xong, bà L quay mặt về hướng nhà ông Tr để chửi bà H "H ơi! ra trả tiền cho choa. Con H mi đem tiền cho người ta ăn". Bà K ngồi xuống ghế đá, bên cạnh xe đạp của bà K. Khi bà L chửi bà H được khoảng 03 phút thì ông Tr từ trong nhà đi ra và đi thẳng về phía bà L. Khi thấy ông Tr đi ra, bà L lùi dần về phía xe đạp mà bà L dựng lúc trước, ông Tr đi thẳng lại chỗ bà L và hỏi "Thế bà H nợ tiền gì" thì cả bà L và bà K đều trả lời *"Bà H nợ chúng tôi mỗi người 1.000.000đồng, ra thanh toán cho chúng tôi".* Sau đó hai bên lời qua tiếng lại rồi ông Tr dùng chân đạp vào người và dùng tay tát vào mặt bà L, khi bị ông Tr đánh như vậy, bà L liền gọi *"Ố bà K ơi"* và với tay vào giỏ xe đạp và lấy ra một thanh kim loại bằng sắt dài 35 cm, quấn vải màu trắng bên ngoài vụt vào vùng đầu, tay trái và người ông Tr. Lúc này, bà K cũng đứng dậy và lấy một thanh kim loại có đặc điểm giống thanh kim loại của bà L để trong giỏ xe của bà K và tiến lại đánh ông Tr. Khi bị bà L và bà K cùng cầm gậy đánh mình, ông Tr nhặt một viên đá ném vào mặt bà L, sau đó được mọi người can ngăn nên sự việc kết thúc. Hậu quả, ông Tr và bà L đều bị thương. Ông Tr phải đi điều Tr tại bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh từ ngày 12 tháng 9 đến ngày 14 tháng 9 năm 2021 thì ra viện.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 13/9/2021 ghi nhận các dấu vết thương tích của ông Lê Văn Tr như sau: *"Vết thương vùng trán phải kích thước dài*

5cm bờ sắc nhọn; vết thương vùng cung mày phải dài 2cm bờ sắc nhọn; vết thương ở phía trán trái bờ sắc nhọn dài 1cm; đau, nề hạn chế vận động cổ tay trái, gãy đầu dưới xương trụ bên trái".

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 694/2021/TTPY ngày 15/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa K luận: *"Chấn thương vùng cổ tay trái gây tổn thương gãy đầu dưới xương trụ trái, đã được điều trị, hiện tại còn di chứng hình ảnh gãy đầu dưới xương trụ trái: 06%; Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức trán bên phải, kích thước sẹo nhỏ: 03%; Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt ngang mức trán bên trên cung lông mày phải, kích thước sẹo nhỏ" 03%. Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị, không có di chứng tổn thương : 0%. Tổng tỷ lệ % tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Văn Tr là 14%".*

Tại bản kết luận giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích số 695/2021/TTPY ngày 15/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa đánh giá cơ chế hình thành thương tích trên cơ thể ông Lê Văn Tr là do tác động của ngoại lực được tạo nên bởi tác động của vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn.

Tại bản kết giám định pháp y về thương tích số 696/2021/TTPY ngày 15/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ % tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Thị Kim L là 02%. Tuy nhiên bà L đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Về vật chứng: Một thanh sắt bằng kim loại bằng sắt dài 35cm, quấn vải màu trắng bên ngoài hiện đang quy trữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn để phục vụ việc truy tố, xét xử giải quyết vụ án.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Kim L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 25/Ctr – KSĐT ngày 07/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị Kim L về tội ''Cố ý gây thương tích'' điểm đ theo khoản 2 Điều 134 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b khoản 1 Điều 51 ; điểm s,x khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65 - Bộ luật hình sự.

Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Thị Kim L từ 26 (Hai sáu) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 (Năm hai) đến 60 (Sáu mươi) tháng.

Về phần bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị kim L phải bồi thường cho ông Lê Văn Tr tổng số tiền là: 22.737.000 đồng. Nếu sau này Tòa án xét xử và buộc tội bà Lâm Thị K là đồng phạm với bị cáo trong việc gây thương tích cho ông Lê Văn Tr thì

bị cáo có quyền yêu cầu bà K liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự cho ông Lê Văn Tr.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 35cm, quấn vải màu trắng bên ngoài, là hung khí mà bị cáo dùng để gây thương tích cho ông Lê Văn Tr.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 bị cáo được miễn án phí, bị cáo là người cao tuổi, người có công với cách mạng.

Đối với thương tích của bị cáo là 02%, do bị cáo đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với ông Lê Văn Tr nên không xem xét xử lý.

Đối với bà Lâm Thị K, do vụ án đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án để xem xét xử lý bà K trong một vụ án khác.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim L thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo L. Bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo là người cao tuổi, người có công với cách mạng. Nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Ý kiến bị cáo L thống nhất quan điểm bào chữa của luật sư, không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của người bào chữa cho bị hại ông Lê Văn Tr: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L. Về dân sự bị hại và người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại yêu cầu bị cáo L phải bồi thường cho ông Tr tổng số là 22.737.000 đồng, ngoài ra ông Tr không yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào K quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đông Sơn, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Kim L đã khai nhận: Do có mâu thuẫn trong việc vay nợ, nên khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/9/2021 Nguyễn Thị Kim L và bà Lâm Thị K mỗi người đi một xe đạp đến nhà ông Lê Văn Tr để đòi nợ và chửi bới bà Lê Thị H (vợ ông Tr). Hai bên lời qua tiếng lại nên ông Tr đã dùng chân đạp vào người và dùng tay tát vào mặt bà L, khi bị ông Tr đánh như vậy, bà L liền với tay vào giỏ xe đạp và lấy ra một thanh kim loại dài 35 cm, quấn vải màu trắng bên ngoài vụt vào đầu và người ông Tr, ông Tr nhặt một viên đá và ném bà L, sau đó được mọi người can ngăn nên sự việc K thúc. K quả giám định thương tích K luận ông Lê Văn Tr bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14%.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó cáo trạng và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khảng định : Hành vi của Nguyễn Thị Kim L đã phạm tội ‘’Cố ý gây thương tích’’theo điểm đ khoản 2 Điều 134 - BLHS.

[4] Xét tính chất vụ án:

Hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Thị Kim L đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự với tình tiết dùng hung khí nguy hiểm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, hậu quả là ông Tr mất 14% sức khỏe. Quá trình ông Tr điều Tr bị cáo đã tự nguyện bồi thường 10 triệu đồng cho gia đình ông Tr, nhưng gia đình ông Tr đã từ chối. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS. Là phạm tội với người đủ 70 tuổi trở lên.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải, bị cáo là người có công với cách mạng (Đã hoàn thành nhiệm vụ thanh niên xung phong phục vụ kháng chiến chống Mỹ cứu nước), bị hại cũng có lỗi là đánh bị cáo trước, bị cáo cũng đã đến nhà bị hại để bồi thường thiệt hại nhưng gia đình bị hại đã từ chối không nhận, vì vậy nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về bồi thường dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải bồi thường cho ông Lê Văn Tr các khoản chi phí hợp lệ như sau:

- Tiền thuốc: 160.000 đồng

- Tiền tes Covid 2 lần: 340.000 đồng

- Tiền tổn thất về tinh thần: 1.490 x 5 (5 tháng lương cơ bản) = 7.450.000 đồng.

- Tiền điều trị nội trú: 77.064 đồng.

+ Tiền chi phí khác:

- Tiền xét nghiệm: 110.000 đồng

- Tiền bó bột: 800.000 đồng

- Tiền tháo bột, cắt chỉ, thuê xe: 460.000 đồng

- Tiền phí vệ sinh, điện nước tại bệnh viện: 40.000 đồng

- Tiền sao bệnh án: 200.000 đồng

- Tiền xe đi viện: 500.000 đồng

- Tiền công người chăm sóc ở viện 3 ngày x 200.000đ = 600.000 đồng.

- Tiền công người chăm sóc 02 tháng ở nhà x 200.000đ = 12.000.000 đồng.

Tổng cộng: 22.737.000 đồng.

Đối với thương tích của bị cáo là 02%, do bị cáo đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với ông Lê Văn Tr nên không xem xét xử lý.

Đối với bà Lâm Thị K, do vụ án đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa đủ căn cứ để xử lý nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án để xem xét xử lý bà K trong một vụ án khác.

[7] Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 35cm, quấn vải màu trắng bên ngoài, là hung khí mà bị cáo dùng để gây thương tích cho ông Lê Văn Tr.

[8] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, có công với cách mạng, có đơn xin miễn án phí. Vì vậy bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 ; Điều 65 - BLHS. Khoản 2 Điều 135 BLTTHS; điểm đ khoản 1 điều 12 ; Khoản I mục 1 Danh mục án phí, lệ phí (ban hành kèm theo nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016) của Ủy ban thường vụ Quốc hội - Bị cáo Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí HSST và án phí DS.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L phạm tội‘’Cố ý gây thương tích’’.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim L cho UBND xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị kim L phải bồi thường cho ông Lê Văn Tr tổng số tiền là: 22.737.000 đồng. Nếu sau này Tòa án xét xử và buộc tội bà Lâm Thị K là đồng phạm với bị cáo trong vụ gây thương tích cho ông Lê Văn Tr thì bị cáo có quyền yêu cầu bà K liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự cho ông Lê Văn Tr.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 35cm, quấn vải màu trắng bên ngoài, là hung khí mà bị cáo dùng để gây thương tích cho ông Lê Văn Tr.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2022 giữa cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đông Sơn và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí HSST và án phí DS.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu người thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn ;
- Cơ quan THADS huyện Đông Sơn ;
- Bị cáo ;
- Bị hại ;
- Luật sư ;
- Lưu hồ sơ vụ án ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

TRỊNH THỊ HÀ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy **Nguyễn Thị Nguyện** **Trnh Thị Hà**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**